

Số: /QĐ-UBND

Phù Mỹ, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTN ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐUBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết

định số 25/2019/QĐUBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án Quy hoạch đô thị và Quy hoạch xây dựng huyện tại Tờ trình số 100/TTr-BQLQH ngày 29/12/2023 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 101/TTr-KTHT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Hiệp, với các nội dung chính, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ; có giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Nam giáp : xã Cát Hanh, huyện Phù Cát.

+ Phía Bắc giáp : xã Mỹ Hòa, Mỹ Quang và thị trấn Phù Mỹ.

+ Phía Đông giáp : xã Mỹ Tài.

+ Phía Tây giáp : xã Cát Sơn, huyện Phù Cát.

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 5.697,7 ha.

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2022 khoảng 12.325 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 12.200 người và năm 2035 khoảng 12.500 người.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xã Mỹ Hiệp thuộc phân vùng II theo phân vùng phát triển của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; vùng phát triển đô thị; phát triển công nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ cho các đô thị kết hợp phát triển thương mại - dịch vụ và tổ chức các điểm du lịch sinh thái, trải nghiệm gắn với hồ đập hiện có ở phía Tây.

- Là xã thuộc hành lang kinh tế QL1, định hướng phát triển hỗn hợp đa chức năng, bao gồm: Khu vực phát triển đô thị, khu vực phát triển công nghiệp dựa trên

lợi thế hệ thống giao thông Quốc gia và Tỉnh lộ ĐT.638; phát triển thương mại, dịch vụ gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết nối đồng bộ với các đô thị dọc QL1 thị trấn Phù Mỹ và thị trấn Ngô Mây (huyện Phù Cát); đất sản xuất nông nghiệp đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất với bảo vệ môi trường; rà soát, bổ sung các chỉ tiêu theo quy định của Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Các động lực phát triển chính:

- Phát huy các lợi thế về vị trí: Định hướng vùng phát triển công nghiệp phía Tây của xã, tạo lợi thế về đất đai, nhiều dự địa cho phát triển công nghiệp; xã nằm giữa thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát ở phía Nam và thị trấn Phù Mỹ, ở phía Bắc, có điều kiện phát triển không gian đô thị, phát triển thương mại - dịch vụ; cảnh quan tự nhiên đa dạng phía Tây, phía Tây Bắc của xã, kết nối các điểm hồ, điểm du lịch phía Tây của huyện tạo thành vành đai du lịch của huyện, nhiều dự địa cho phát triển các loại hình du lịch và tạo điều kiện giải quyết nhu cầu lao động tại địa phương.

- Định hướng cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn kết với phát triển thương mại, dịch vụ sinh thái, trải nghiệm. Cụ thể:

+ Giai đoạn 2023-2030: Nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm vai trò chủ đạo, từng bước dịch chuyển cơ cấu sang công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

+ Giai đoạn 2030-2035: Xác định công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của xã; ưu tiên phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái, trải nghiệm.

5. Quy hoạch phát triển không gian:

5.1. Quy hoạch khu dân cư:

Khu trung tâm xã và các khu dân cư nông thôn, bao gồm: các khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch khu dân cư mới tập trung ở các thôn: Bình Tân Tây, Thạnh An, Đại Thạnh, Đại Thuận, An Trinh, Vạn Phước Đông và thôn Bình Long. Quy hoạch bổ sung quỹ đất để phát triển nhà ở dân cư kết hợp cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu tại các thôn để phục vụ đời sống nhân dân như. Tổng quy mô diện tích các khu vực khoảng 339,88 ha, cụ thể:

- Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Hiệp: Bao gồm khu vực trung tâm xã hiện hữu, quy hoạch mở rộng về hướng Tây (tới đường sắt bắc nam), hướng Đông (tới suối Kiều Duyên) thuộc thôn Đại Thuận; là khu trung tâm hành chính công cộng, tập trung các công trình: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các công trình dịch

vụ xã hội, diện tích khoảng 104,3 ha.

- Khu dân cư phía Tây suối Kiền Duyên: Bao gồm khu vực phát triển dựa trên dân cư hiện hữu phía Đông Quốc lộ 1A thuộc thôn Đại Thạnh và thôn Thạnh An. Quy hoạch khu dân cư mới phía Đông thôn Thạnh An và Đại Thạnh; phát huy vị trí thuận lợi cụm công nghiệp Đại Thạnh và tiếp giáp với đô thị Trà Bình Đông, tạo sức hút để tăng mật độ dân cư, diện tích khoảng 65,8 ha.

- Khu dân cư phía Nam trung tâm xã: Khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch khu dân cư mới thuộc các thôn Đại Thuận, An Trinh và Vạn Phước Đông, được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội hiện nay; phát triển thương mại dịch vụ dọc các tuyến đường QL.1, tuyến đường Nhà Đá - An Lương (tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh ĐT.638 đến đường ven biển ĐT.640) làm động lực phát triển kinh tế cho xã, diện tích khoảng 106,0 ha.

- Khu dân cư Vạn Phước Đông: Khu quy hoạch dân cư mới được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thôn Vạn Phước Tây; phát triển thương mại dịch vụ dọc Quốc lộ 1A, diện tích khoảng 9,57 ha.

Ngoài ra, các cụm dân cư hiện hữu nhỏ lẻ, phân bố rải rác trong các khu đất nông nghiệp và đất khác, diện tích khoảng 54,21 ha.

5.2. Quy hoạch các khu vực phát triển:

a) Khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cập nhật quy hoạch cụm công nghiệp Đại Thạnh theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được UBND tỉnh phê duyệt, diện tích khoảng 63,8 ha; phát triển khu vực công nghiệp tại khu vực phía Tây Nam xã Mỹ Hiệp, diện tích khoảng 175 ha.

b) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch xây dựng mới khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, trên cơ sở vị trí HTX Nông nghiệp 1 tại thôn Vạn Phước Đông, diện tích khoảng là 1,78 ha.

c) Khu vực phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp:

- Khu vực phát triển nông nghiệp: Tập trung phía Tây và phía Đông của xã và rải rác, đan xen khu ở, diện tích khoảng 3.246 ha. Cụ thể:

+ Khu vực chuyên trồng lúa: Tập trung phía Đông và phía Bắc dọc theo suối Kiền Duyên, diện tích khoảng 1.106 ha.

+ Khu vực trồng cây ăn quả, cây lâu năm khác: Tập trung tại các thôn Hữu Lộc, Vạn Thiện, Vạn Phước Tây, Vạn Phước, Trà Bình Tây và thôn Hòa Nghĩa, diện tích khoảng 392 ha.

+ Khu vực chăn nuôi tập trung và trồng rau sạch: Quy hoạch 02 khu vực phát triển chăn nuôi, trong đó: thôn Bình Tân Tây diện tích khoảng 29ha, thôn Hữu Lộc và thôn Vạn Thiện diện tích khoảng 40,8 ha; quy hoạch khu trồng rau sạch tại thôn Đại Sơn diện tích khoảng 4,2 ha.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp: Tập trung tại thôn Vạn Thiện, Vạn Phước Tây, Đại Thuận, Đại Sơn, Bình Tân Tây, Vạn Phước, Trà Bình Tây và thôn Hòa

Nghĩa, diện tích khoảng 1.703 ha.

d) Khu vực khai thác vật liệu: Quy hoạch mới khu vực sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản, phân bố rải rác tại các thôn Hoà Nghĩa, Vạn Phước, Đại Thuận, Đại Sơn, Tú Dương và Vạn Lộc, diện tích khoảng 120 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	4.506,80	79,10	4.251,79	74,62	3.954,17	69,40
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	2.716,16	47,67	2.400,84	42,14	2.178,35	38,23
1.2	Đất lâm nghiệp	1.782,69	31,29	1.778,32	31,21	1.703,19	29,89
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,47	0,01	2,04	0,04	2,04	0,04
1.4	Đất nông nghiệp khác	7,48	0,13	70,59	1,24	70,59	1,24
2	Đất xây dựng	954,56	16,75	1.259,15	22,10	1.556,77	27,32
2.1	Đất ở	132,40	2,32	171,80	3,02	219,40	3,85
	- Đất ở hiện trạng	132,40		132,40		171,80	
	- Đất ở quy hoạch mới	-		39,40		47,60	
2.2	Đất công cộng	13,03	0,23	24,39	0,43	24,39	0,43
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,13	0,04	24,49	0,43	24,49	0,43
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	6,10	0,11	6,10	0,11	6,10	0,11
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	51,90	0,91	106,81	1,87	233,63	4,10
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	107,12	1,88	120,60	2,12	120,60	2,12
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	33,78	0,59	94,70	1,66	94,70	1,66
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	473,58	8,31	574,90	10,09	698,10	12,25
	- Đất giao thông	336,94		417,89		521,09	
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải rắn	5,00		-		-	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	131,60		100,56		120,56	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật	0,04		56,45		56,45	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	134,46	2,36	134,46	2,36	134,46	2,36
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,06		0,90	0,02	0,90	0,02
3	Đất khác	236,39	4,15	186,81	3,28	186,81	3,28
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	186,81	3,28	186,81	3,28	186,81	3,28
3.2	Đất chưa sử dụng	49,58	0,87	-		-	
TỔNG DIỆN TÍCH		5.697,75	100	5.697,75	100	5.697,75	100

6.1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- + Đất khu dân dụng: 167,3 m²/người.
- + Đất nhóm ở: 60,3 m²/người.
- + Đất cây xanh công viên, TDTT đơn vị ở: 19,6 m²/người.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị: 27,7 m²/người.

6.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) ban hành theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc và các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan về quy hoạch xây dựng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng bám sát địa hình tự nhiên, lựa chọn với tần suất lũ tối đa 10%; hướng dốc chủ yếu từ Nam sang Đông và từ Bắc sang Nam; giải pháp cốt nền quy hoạch chi tiết phải đảm bảo thoát nước mưa nhanh, không gây xói lở, xói mòn và ngập úng, khối lượng thi công ít nhất.

- Giải pháp thoát nước mặt chung phù hợp với địa hình tự nhiên thoát ra suối Kiều Duyên và thoát ra sông La Tinh.

7.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cập nhật các tuyến đường theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt: Tuyến đường QL.1 dài khoảng 6,7km, lộ giới 58,5m; tuyến đường ĐT.638 (bao gồm đoạn chính tuyến), lộ giới từ 26,5m đến 30m; tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông dài khoảng 7,9km, tuyến đường sắt tốc độ cao, tuyến đường sắt Bắc - Nam thực hiện theo định hướng giao thông Quốc gia.

- Giao thông đối nội:

+ Quy hoạch mới: Các tuyến đường gom dọc tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, lộ giới 14m; tuyến đường kết nối từ ĐT.638 đi qua Đèo Ngụy (xã Cát Sơn, huyện Phù Cát), lộ giới 18m.

+ Quy hoạch mở rộng tuyến vành đai phía Đông QL.1 (đoạn thôn Bình Long - thôn Trà Bình Đông) làm giới hạn đô thị và các tuyến đường trung tâm xã, liên xã lộ giới từ 18m đến 20m.

+ Các tuyến đường liên thôn, nội bộ thôn, lộ giới từ 9m đến 14m; đường ngõ xóm, nội đồng tối thiểu đạt A.

- Bến xe: Quy hoạch 01 bãi đỗ xe tập trung tại phía Tây thôn Đại Thuận, quy mô khoảng 1,0 ha (giai đoạn sau năm 2035).

- Hệ thống các bãi đỗ xe: Quy hoạch 02 bãi đỗ xe, quy mô diện tích 0,36 ha.

7.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng 1.210 m³/ngày.đêm, năm 2035 khoảng 1.950 m³/ngày.đêm.

- Nguồn cấp nước: Định hướng quy hoạch nguồn cấp nước cho xã Mỹ Hiệp lấy từ dự án Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc huyện Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ. Nguồn nước thô là nước mặt lấy tại các suối chính của thượng nguồn hồ Hội Sơn (xã Cát Sơn, huyện Phù Cát).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được quy hoạch thiết kế đảm bảo các quy định về PCCC.

7.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu công suất điện toàn khu: Đến năm 2030 khoảng 1.450KW và đến năm 2035 khoảng 1.470KW.

- Nguồn cấp điện: Từ trạm biến áp 110/22kV Phù Mỹ 25+40MVA. Giai đoạn 2026 - 2030 nâng công suất trạm biến áp Phù Mỹ 110/22KV lên 2x40MVA theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định.

7.5. Thông tin liên lạc: Căn cứ vào quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam.

7.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Tổng lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 770 m³/ngày.đêm; đến năm 2035 khoảng 1.370 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn tiếp nhận: Quy hoạch khu xử lý nước thải khoảng 2,0 ha tại phía Tây suối Kiều Duyên.

- Chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải đến năm 2030 khoảng 12,6 tấn/ngày.đêm; năm 2035 khoảng 13,0 tấn/ngày.

+ Rác thải được thu gom về khu trung chuyển và được vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của huyện để xử lý đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại các thôn Trà Bình Tây, Vạn Thiện và Tú Dương. Tuyên truyền, vận động người dân không chôn cất trong vườn, nhà hoặc theo hộ tộc. Dàn đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ.

+ Giai đoạn dài hạn: Sử dụng nghĩa trang cấp huyện tại khu vực phía Nam huyện Phù Mỹ tại thôn Tú Dương, quy mô khoảng 20 ha theo Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch đóng cửa tất cả nghĩa trang trong khu vực và chuyển đổi thành đất cây xanh.

9. Đánh giá môi trường chiến lược: Kèm theo thuyết minh đồ án.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: Kèm

theo hồ sơ đồ án quy hoạch.

11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện: Kèm theo thuyết minh đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ban quản lý dự án Quy hoạch đô thị và Quy hoạch xây dựng huyện phối hợp UBND xã Mỹ Hiệp và các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho Sở Xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch theo quy định.

- UBND xã Mỹ Hiệp tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên, mời gọi đầu tư theo phân kỳ, đảm bảo mục tiêu đã được xác định. Định kỳ 05 năm tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện kiểm tra, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Giao các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đồ án này theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Văn hoá và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Chủ tịch UBND xã Mỹ Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện uỷ (báo cáo);
- TT. HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Xây dựng (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT, LMH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lịch